TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HS-ST
Ngày: 03-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Văn Bé;**
Bà **Nguyễn Thị Kiều Diễm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Linh -** Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lý Văn H, sinh năm 1991. Tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn T, sinh năm 1966 (còn sống) và bà Mai Thị B, sinh năm 1966 (còn sống); vợ tên Sơn Thị Sa B1 (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 04/3/2019 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 17/10/2000. Tại huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969 (còn sống) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980 (còn sống); Không có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 04/3/2019 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Anh Lê Thanh C, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh, (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Chị Kim Thị Chane T2, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh, (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Mai Thị B, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không có lý).

2. Bà Lý Thị N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh vắng mặt không có lý).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại cáo trạng số 12/CT-VKSND-TC, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đã truy tố các bị cáo Lý Văn H và Nguyễn Tuấn A về tội "Cướp giật tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự với hành vi phạm tội như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên vào ngày 26/12/2018, bị cáo Lý Văn H và bị cáo Nguyễn Tuấn A đến Cửa hàng điện thoại di động Mạnh C do Lê Thanh C, sinh năm 1979 và Kim Thị Chane T2, sinh năm 1985, cùng ngụ ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh, quản lý kinh doanh để cầm cố 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO F7, màu xanh, có gắn 01 (một) ốp lưng bằng nhựa, màu trắng và 01 (một) sim mạng Viettel, có số thuê bao 0385.206.200. Khi đến cửa hàng, bị cáo H trực tiếp cầm cố điện thoại trên cho Lê Thanh C, với số tiền 3.000.000 đồng và được anh C làm biên nhận cho bị cáo H.

Đến sáng ngày 30/12/2018 tại nhà của bị cáo H tọa lạc tại ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh, bị cáo A kêu bị cáo H đưa biên nhận cầm cố điện thoại cho bị cáo A để bị cáo A đi chuộc điện thoại cho bị cáo H nhưng lúc đó bị cáo H nói với bị cáo A không có tiền, bị cáo A nói "Anh cứ đưa giấy đi, em đi lấy cho". Nghe vậy, bị cáo H đồng ý và đưa biên nhận cầm cố điện thoại cho bị cáo A cất giữ. Sau đó, bị cáo H điều khiển xe môtô, hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 84H1-222.54 chở bị cáo A đi lấy điện thoại. Do không có tiền để chuộc điện thoại nên trên đường đi, bị cáo A bàn bạc với bị cáo H, khi đến cửa hàng điện thoại bị cáo H ở bên ngoài ngồi trên xe cho nổ máy sẵn, còn bị cáo A trực tiếp vào lấy điện thoại, khi lấy được điện thoại sẽ bỏ chạy lên xe tẩu thoát thì cả hai bị cáo đều đồng ý. Sau đó, đến khoảng 09 giờ cùng ngày, bị cáo H chở bị cáo A đến cửa hàng điện thoại di động của anh C, bị cáo H ở ngoài ngồi trên xe, còn bị cáo A trực tiếp đưa biên nhận cho anh C để chuộc lại điện thoại. Do không cất giữ điện thoại tại cửa hàng nên anh C đưa biên nhận cho chị T2 để dẫn bị cáo H và bị cáo A về nhà lấy điện thoại tại ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Khi đến nhà, bị cáo H chờ bên ngoài, ngồi trên xe cho nổ máy sẵn, hướng xe quay về Trà Vinh, còn bị cáo A vào nhà cùng chị T2, lúc vào trong nhà chị T2 lấy điện thoại mà bị cáo H cầm vào ngày 26/12/2018, đưa cho bị cáo A, kèm theo giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của bị cáo H. Khi nhận được điện thoại, bị cáo A cầm trên tay và hỏi chị T2 xin mật khẩu Wifi nhằm tìm sơ hở để nhanh chóng

lấy điện thoại nên chị T2 đọc mật khẩu cho bị cáo A. Sau đó, bị cáo A hỏi chị T2 bao nhiêu tiền thì chị T2 trả lời là 3.040.000 đồng, vừa lúc đó bị cáo A bỏ giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe vào túi áo khoác và cầm điện thoại bỏ chạy lên xe chổ bị cáo H đang chờ sẵn rồi tẩu thoát về nhà bị cáo H, trên đường về bị cáo A đưa điện thoại cho bị cáo H cất giữ. Riêng bị hại Kim Thị Chane T2 sau khi bị chiếm đoạt tài sản, đã thông báo cho anh C biết và chị T2 trực tiếp đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần trình báo sự việc.

Sau khi tiếp nhận tin tố giác trên, cơ quan Công an mời Lý Văn H và Nguyễn Tuấn A làm việc. Qua làm việc, Lý Văn H và Nguyễn Tuấn A thừa nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản như đã nêu trên. Đồng thời, bị cáo H thừa nhận do không có tiền chuộc lại điện thoại nên cùng bàn bạc với bị cáo A thực hiện hành vi cướp giật điện thoại, với mục đích tiếp tục sử dụng.

Vật chứng tài liệu thu giữ gồm có:

Bị cáo Lý Văn H giao nộp: 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO F7, màu xanh, có gắn 01 ốp lưng bằng nhựa, màu trắng và 01 sim mạng Viettel, có số thuê bao 0385.206.200 (tài khoản 0 đồng) và 01 (một) xe môtô, hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 84H1-222.54. Anh Lê Thanh C giao nộp 01 (một) biên nhận về việc cầm cố điện thoại di động.

Sau khi thu giữ, cơ quan Công an tiến hành yêu cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận số 03 ngày 24/01/2019 và số 06 ngày 19/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận:

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO F7, màu xanh, có giá trị còn lại 3.594.000 đồng.

+ 01 (một) ốp lưng điện thoại, hiệu OPPO F7, chất liệu bằng nhựa, có giá trị 100.000 đồng.

+ 01 (một) sim điện thoại, mạng Viettel, có giá trị 50.000 đồng.

Như vậy, hành vi cướp giật tài sản của bị cáo Lý Văn H và bị cáo Nguyễn Tuấn A đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Lê Thanh C và chị Kim Thị Chane T2, với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.744.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo Lý Văn H và Nguyễn Tuấn A khai đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo vị đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lý Văn H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không xem xét.

Bà Lý Thị N không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 3.040.000 đồng đã bồi thường cho người bị hại nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định xử lý trả lại 01 (một) xe môtô, hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 84H1-222.54 cho bà Mai Thị B xong nên không xem xét.

Trả lại cho bị cáo Lý Văn H 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO F7, màu xanh, có gắn 01 ốp lưng bằng nhựa, màu trắng và 01 sim mạng Viettel, có số thuê bao 0385.206.200.

Về án phí hình sự đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Thanh C và chị Kim Thị Chane T2 có đơn xin vắng và có ý kiến trình bày tại cơ quan điều tra như sau: Ngày 30/12/2018, 02 bị cáo đã cướp giật của anh chị 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7, màu xanh, có gắn 01 ốp lưng bằng nhựa, màu trắng và 01 sim mạng Viettel, có số thuê bao 0385.206.200 do bị cáo H cầm cố vào ngày 26/12/2018 tại cửa hàng điện thoại của anh chị và anh chị có trình báo công an, hiện nay anh chị đã nhận lại số tiền cầm cố điện thoại bằng 3.040.000 đồng, nên không yêu cầu bồi thường.

Bà Mai Thị B vắng mặt và có ý kiến trình bày tại cơ quan điều tra như sau: Bà là mẹ ruột của bị cáo H, chiếc xe môtô, hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 84H1-222.54 là của bà mua cho bị cáo H mượn làm phương tiện đi làm, bà không biết bị cáo H chở bị cáo A đi cướp giật tài sản đã bị công an giữ, hiện nay bà đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường.

Bà Lý Thị N vắng mặt và có ý kiến trình bày tại cơ quan điều tra như sau: Bà là cô ruột của bị cáo Lý Văn H, bà có khắc phục hậu quả cho người bị hại giùm bị cáo H bằng 3.040.000 đồng, bà không có yêu cầu bị cáo H trả lại.

Lời nói sau cùng của bị cáo:

Bị cáo H nói: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo A không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Lê Thanh C, chị Kim Thị Chane T2 có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà Lý Thị N và bà Mai Thị B vắng mặt không lý do và những người này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Tiểu Cần, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đồng thời thống nhất với các biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, hiện trường vụ án và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần quyết định truy tố bị cáo Lý Văn H và bị cáo Nguyễn Tuấn A về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo đã thể hiện vào ngày 30/12/2018 do không có tiền chuộc lại điện thoại đã cầm cố cho người bị hại, nên các bị cáo đã bàn bạc cướp giật điện thoại với mục đích để tiếp tục sử dụng, các bị cáo đã sử dụng xe môtô, hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 84H1-222.54 làm phương tiện phạm tội và lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của người bị hại cướp giật điện thoại rồi tẩu thoát một cách nhanh chóng khiến cho người bị hại không kịp phản ứng để bảo vệ tài sản của mình. Vụ án do hai bị cáo H và A cùng thực hiện việc phạm tội, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, đã xác định được bị cáo A rủ bị cáo H đồng ý đi cướp giật tài sản. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, không mang tính tổ chức. Các bị cáo thực hiện tội phạm một cách bộc phát từ việc không có tiền chuộc lại điện thoại đã cầm cố cho người bị hại nên mới bàn bạc rủ nhau đi cướp giật điện thoại mà không phải bỏ tiền ra chuộc lại tài sản đã cầm cố.

Tội phạm do các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm, không chỉ xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là trái phát luật nhưng chỉ gì muốn lấy lại điện thoại đã cầm cố nên cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù tương xứng với tính chất hành vi và mức độ mà các bị cáo gây ra để giáo dục các bị cáo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời ngăn chặn tình hình tội phạm phát sinh xảy ra trên địa bàn.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét:

Đối với bị cáo Lý Văn H: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, bị cáo có ông ngoại tên Mai Văn C1 là liệt sĩ, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là những tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Bà Lý Thị N không có yêu cầu bị cáo H trả lại 3.040.000 đồng đã khắc phục hậu quả cho người bị hại nên không xem xét.

[6] *Về vật chứng:* Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã giải quyết trả lại cho bà Mai Thị B 01 chiếc xe môtô, hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 84H1-222.54 xong nên không xem xét.

Trả lại cho bị cáo Lý Văn H 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO F7, màu xanh, có gắn 01 ốp lưng bằng nhựa, màu trắng và 01 sim mạng Viettel, có số thuê bao 0385.206.200 (tài khoản 0 đồng) đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lý Văn H và bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội "Cướp giật tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lý Văn H 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 04/3/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 04/3/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Bà Lý Thị N không có yêu cầu bị cáo H trả lại 3.040.000 đồng nên không xem xét.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Bà Mai Thị B đã nhận lại tài sản xong nên không xem xét.

- Trả lại cho bị cáo Lý Văn H 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO F7, màu xanh, có gắn 01 ốp lưng bằng nhựa, màu trắng và 01 sim mạng Viettel, có số thuê bao 0385.206.200 (Tài khoản 0 đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lý Văn H và bị cáo Nguyễn Tuấn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm